TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/03/2024
"V/v: Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mộng Hà.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên - Cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Thiều Thị Phi Loan - Cán bộ hưu trí

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:* Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 03 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2934/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXX-ST ngày 22/02/2024; Quyết định hoãn phiên Toà số 83/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/03/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm: 1984

Địa chỉ: A, khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Đặng Thành Đ, sinh năm: 1984

Địa chỉ: H, cư xá Đ, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T có đơn xin vắng mặt, ông Đ vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày**: Bà và ông Đặng Thành Đ kết hôn với nhau vào năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông Đ sa vào con đường nghiện ngập, phá tán tài sản trong gia đình nên bà đã về nhà cha mẹ của mình sống tại P. Nay xét thấy hôn nhân không còn cứu vãn được nữa nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu tên là Đặng Nguyễn Phương V, sinh ngày: 24/02/2008; Đặng Nguyễn Phương K, sinh ngày: 22/11/2011. Hiện tại 02 cháu đang sống với bà. Ly hôn bà xin nuôi cả 02 cháu, tạm thời không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ông Đ vắng mặt trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ kiện

*** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy T.

Về con chung: có 02 cháu tên là Đặng Nguyễn Phương V, sinh ngày: 24/02/2008; Đặng Nguyễn Phương K, sinh ngày: 22/11/2011. Hiện tại 02 cháu đang sống với bà. Ly hôn giao 02 cháu Phương V và Phương K cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Đ có quyền đi lại thăm con không ai cản trở. Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung + nợ chung: không đặt ra giải quyết.

Về án phí: bà T phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thùy T có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Đặng Thành Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông Đ là phù hợp.

[2] Về thẩm quyền xét xử: ông Đặng Thành Đ có cư trú tại địa chỉ tổ H, cư xá Đ, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2016 Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Đặng Thành Đ tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 2005, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên

xác định quan hệ hôn nhân của bà T, ông Đ là hợp pháp. Nay bà T xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của bà T: Bà T xin ly hôn với ông Đ với lý do ông Đ sa vào con đường nghiện ngập, phá tán tài sản trong gia đình nên bà đã về nhà cha mẹ của mình sống tại P. Nay xét thấy hôn nhân không còn cứu vãn được nữa nên bà xin ly hôn.

Về phía ông Đ vắng mặt trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ kiện

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì địa phương không biết được mâu thuẫn giữa bà T và ông Đ. Bà T không sống cùng ông Đ tại địa chỉ H, cư xá Đ, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nhưng hiện tại ông Đ có nghiện ma tuý. Xét thấy hôn nhân được tạo lập trên cơ sở vợ chồng phải thương yêu quý trọng lẫn nhau, hiện tại bà T và ông Đ đã ly thân , hôn nhân chỉ còn trên danh nghĩa nên cho dù có hàn gắn ông bà cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau. Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T. Cho bà T được ly hôn với ông Đ là phù hợp

[5] Về con chung: Có 02 cháu tên là Đặng Nguyễn Phương V, sinh ngày: 24/02/2008; Đặng Nguyễn Phương K, sinh ngày: 22/11/2011. Hiện tại 02 cháu đang sống với bà T. Toà án cũng tham khảo ý kiến của 02 cháu thì ghi nhận 02 cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Xét thấy 02 cháu Phương V và Phương K hiện đang sống ổn định với bà T, 02 cháu cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Ông Đ bị nghiện ma tuý. Nhằm đảm bảo cho sự phát triển của trẻ nên tiếp tục giao 02 cháu cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai tài sản chung tự thoả thuận; Nợ chung không có. Do không có lời khai của ông Đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận theo ý kiến bà T và không đặt ra giải quyết phần tài sản chung và nợ chung.

[8] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[9] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, khoản 1 Điều 238; 235, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2016;

- Áp dụng Điều 51, 53, 54, 56, 57, 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy T. Bà Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn với ông Đặng Thành Đ.

2. Về con chung: Có 02 cháu tên là Đặng Nguyễn Phương V, sinh ngày: 24/02/2008; Đặng Nguyễn Phương K, sinh ngày: 22/11/2011. Ly hôn giao 02 cháu Phương V và Phương K cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, Tạm thời ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Đ được quyền đi lại thăm con không ai cản trở. Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0001752 ngày 15/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (2);
- VKSND thành phố B (2);
- THA Dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai (1);
- Cơ quan cấp giấy kết hôn (1);
- Đương sự (2);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mộng Hà